TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:74/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phan Thị Nguyệt Thu

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thắm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", theo Quyết định mở phiên họp số 02/2023/QĐ-ST ngày 21/7/2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1990

HKTT: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

- Chị Vũ Thị T, sinh năm 1992

HKTT: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh

Hiện đang lao động tại Đài Loan, có mặt

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu xin ly hôn, bản tự khai anh Nguyễn Tuấn D và chị Vũ Thị T thống nhất trình bày như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Tuấn D và chị Vũ Thị T đăng ký kết hôn ngày 04/12/2014 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Thời kỳ đầu hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Năm 2019 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau, sau đó do công việc cũng như sống xa cách nhau về mặt địa lý, vợ chồng không có thời gian giành cho nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn giữa 2 vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt, trầm trọng hơn. Anh D, chị T xác

nhận vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, việc duy trì hạnh phúc gia đình là không thể đạt được nên thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung tên là Nguyễn T, sinh ngày 05/11/2016. Vợ chồng thỏa thuận sau khi ly hôn chị Vũ Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tiền cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chị T đang lao động ở nước ngoài, chị T nhờ ông Vũ Kim T, bà Vũ Thị T là bố mẹ đẻ của chị T trú tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn T. Hiện tại cháu V đang ở với ông T, bà T và đi học tại trường Tiểu học xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án và đề nghị Tòa án áp dụng Điều 149, Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị Vũ Thị T hiện sinh sống lao động tại thành phố Tân Đài Bắc, Đài Loan, Trung Quốc. Theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Anh Nguyễn Tuấn D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 367, Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh D theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn D và chị Vũ Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2014 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, việc việc kết hôn giữa anh D và chị T thực hiện đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh D, chị T sống hạnh phúc được một thời gian, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2019 chị T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan thì vợ chồng ít liên lạc với nhau. Hiện anh D và chị T thừa nhận hai bên không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Điều 55 luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn".*

Xét thấy tình cảm giữa anh T, chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Tuấn D và chị Vũ Thị T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 1 con chung tên là Nguyễn T, sinh ngày 05/11/2016.

Anh D, chị T thỏa thuận sau khi ly hôn chị Vũ Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tiền cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chị T ở nước ngoài, chị T nhờ ông Vũ Kim T, bà Vũ Thị T là bố mẹ đẻ của chị T trú tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn T. Ông T, bà T có đơn xin tình nguyện nuôi cháu, có xác nhận của chính quyền địa phương, anh D cũng đồng ý. Xét thấy, việc thỏa thuận của đương sự là phù hợp quy định pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Tuấn D, chị Vũ Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Nguyễn Tuấn D.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tuấn D và chị Vũ Thị T. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên họp là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, 81,82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 29, 35, 149, 361, 367, 369, 370, 464 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1990 HKTT: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và chị Vũ Thị T, sinh năm 1992, HKTT: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh D, chị T, giao con chung Nguyễn T, sinh ngày 05/11/2016 cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tuấn D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Nguyễn Tuấn D, anh D đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000529 ngày 18/5/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Phan Thị Nguyệt Thu